

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2019

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc “*tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thuý N, sinh năm 1980.

- Bị đơn: Anh Trần Thống N, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; có mặt chị N, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Thuý N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thuý N kết hôn với anh Trần Thống N là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã X, huyện L được khoảng 01 năm thì lên thị trấn V, huyện L sinh sống, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh

phúc đến khoảng năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N gặp nhiều căng thẳng trong cuộc sống, không như ý muốn của anh N nên anh N buồn chán, thường xuyên đi uống rượu, về nhà sinh sự, chửi vợ, con, nhiều lần chị phải chạy sang nhà hàng xóm để tránh mặt anh N; mặc dù, gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không nghe, mỗi lần bực tức, tâm lý không ổn định là anh Nhất lại đi uống rượu, về nhà chửi vợ, con, gây tâm lý lo lắng cho chị và con. Đến năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị đã báo với Trưởng xóm 11 (nay là Tổ dân phố N), thị trấn V để Tổ hoà giải của xóm khuyên bảo anh N nhưng anh N không nghe, không hợp tác. Chị đã viết đơn ly hôn với anh N nhưng chưa yêu cầu Toà án giải quyết vì chị mong muốn anh N suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến tháng 10/2018, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên chị và anh N đã ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cho tới nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức T, sinh ngày 15/7/2007, do chị đang nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn: Chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Toàn cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác*: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Thống N nhưng anh N không đồng ý ly hôn với chị N, từ chối nhận các văn bản tố tụng, từ chối tham gia tố tụng nên Toà án không tiến hành hoà giải được vụ án.

** Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn chị N trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh N. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Toàn cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh N không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị N - anh N theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Đề nghị giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thuý N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Trần Thống N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nhất theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Thuý N và anh Trần Thống N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2006 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Theo chị N: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên đi uống rượu, về nhà chửi vợ, con, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống gia đình, chị N đã thông báo với chính quyền địa phương để có biện pháp khuyên bảo anh N nhưng anh N không nghe, không hợp tác nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài. Đến tháng 10/2018, chị N, anh N ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh N. Anh N không nhất trí ly hôn với chị N.

Xét thấy: Theo kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương và nơi cư trú của anh N, cơ quan nơi anh N làm việc, đều xác định anh N thường xuyên đi uống rượu, về nhà gây sự, chửi vợ, con dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài; nhiều lần được đại diện xóm 11 (nay là Tổ dân phố N), thị trấn V, Công đoàn cơ quan nơi anh N làm việc, khuyên bảo, hoà giải, mong muốn vợ chồng anh N hoà thuận với nhau nhưng không thành. Từ những phân tích trên, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N - anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N - anh N có 01 con chung là cháu Trần Đức T, sinh ngày 15/7/2007, do chị N đang nuôi dưỡng. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

Xét: Chị N đang công tác, làm việc tại Ban Tổ chức Huyện uỷ L, có thu nhập (lương) là 9.882.000 đồng/tháng, có nơi ở riêng nên đủ điều kiện nuôi con

chung; cháu T có nguyện vọng được ở với chị N. Để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, như ý kiến của chị Nhân, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị Thuý N và anh Trần Thông N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đức T, sinh ngày 15/7/2007 cho chị Ngô Thị Thuý N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Thuý N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2015/0003460 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam, chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã X;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đinh Thành Nam